

Q326B077332
(MTTN26010892.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/07/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI LOBICO
Thời gian lấy mẫu: 8h30, 29/6/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: chai nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 1,5 L x 05
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 29/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : 29/06/2026 - 08/07/2026
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH LONG BÌNH
375 Trần Quốc Toản, khu phố Bình Đa, Phường Trần Biên, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326B077332
(MTTN26010892.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/07/2026

Trang/ Page: 2/3

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.1	Hàm lượng stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.2	Hàm lượng asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.3	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,7
7.4	Hàm lượng bor (B)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,5
7.5	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,004	0,01
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng tổng clo (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	1,2	-	5
7.8	Hàm lượng clorate (ClO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,01	0,7
7.9	Hàm lượng clorit (ClO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,01	0,7
7.10	Hàm lượng crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.12	Hàm lượng cyanid (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,07
7.13	Hàm lượng fluorid (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.14	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01
7.15	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,4
7.16	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,006
7.17	Hàm lượng molybden (Mo)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.18	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.19	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,6	-	50

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326B077332
(MTTN26010892.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/07/2026
Trang/ Page: 3/3

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.20	Hàm lượng nitrit (NO_2^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02	3
7.21	Hàm lượng selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01
7.22	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.23	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,5

Ghi chú:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 06-1:2010/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (Phụ lục II và III - Nước uống đóng chai)
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- KPH: Không phát hiện

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*